

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH KON TUM**
Số 1512/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Kon Tum, ngày 12 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Quy chế Quản lý tài chính của
Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KON TUM

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật quản lý, sử dụng vốn Nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp năm 2014; Luật doanh nghiệp năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 30/2007/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về kinh doanh xổ số; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về hoạt động kinh doanh xổ số; Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số;

Căn cứ Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum tại Tờ trình số 192/2016//TTr-XSKT ngày 09 tháng 11 năm 2016, ý kiến của Sở Tài chính tại Văn bản số 2955/STC-TCĐN ngày 17 tháng 11 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế Quản lý tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra, đánh giá tình hình hoạt động của Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum theo quy định, bảo đảm Công ty thực hiện đúng Quy chế Quản lý tài chính đã được phê duyệt. Kịp thời xử lý những phát sinh trong quá trình thực hiện Quy chế Quản lý tài chính của Công ty, trường hợp vượt thẩm quyền, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này. Định kỳ hằng năm báo cáo việc thực hiện gửi Sở Tài chính tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và Chủ tịch, Giám đốc Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP UBND tỉnh (KT);
- Lưu: VT, KT5 *Chas*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Đức Tuy

QUY CHẾ
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT KON TUM

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 15/2/QĐ-UBND
ngày 12 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định chế độ quản lý tài chính, việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản vào hoạt động kinh doanh, quản lý doanh thu và chi phí, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ đối với Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum (gọi tắt là Công ty).

2. Công ty có trách nhiệm thực hiện chế độ quản lý tài chính theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số và các quy định tại quy chế này.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Kon Tum
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. “*Hoa hồng đại lý*” là số tiền mà Công ty trả cho đại lý xổ số theo tỷ lệ phần trăm (%) trên giá trị vé xổ số đã bán.

2. “*Doanh thu có thuế*” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số đã bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu có thuế để xác định các khoản chi hoa hồng đại lý, trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng, chi hỗ trợ phòng chống số đề, làm vé số giả.

3. “*Doanh thu chưa có thuế*” là doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt. Doanh thu chưa có thuế để xác định kết quả kinh doanh của Công ty.

Chương II
QUẢN LÝ VỐN VÀ TÀI SẢN

Điều 4. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ là mức vốn cần thiết được Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum (Chủ sở hữu Công ty) đầu tư và phê duyệt, để thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty, được ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Vốn điều lệ hiện tại của Công ty là 50 tỷ đồng.

2. Trong quá trình hoạt động, Công ty có nhu cầu tăng vốn điều lệ, căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược phát triển mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh 05 năm được phê duyệt và nguồn bổ sung vốn điều lệ, Công ty xây dựng phương án trình chủ sở hữu xem xét phê duyệt theo quy định của pháp luật (*Mức vốn điều lệ điều chỉnh tăng thêm được xác định tối thiểu cho 03 năm kể từ năm quyết định điều chỉnh vốn điều lệ*).

3. Trình tự, thủ tục và thẩm quyền quyết định tăng vốn điều lệ của Công ty được thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

4. Khi xác định nhu cầu vốn điều lệ cần tăng thêm để phục vụ hoạt động kinh doanh xổ số thì ngoài các dự án đầu tư phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số, Công ty được tính số vốn cần thiết để sử dụng trả thưởng cho khách hàng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật.

5. Công ty không được giảm vốn điều lệ trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

6. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn, tài sản do Chủ sở hữu Công ty đầu tư và các nguồn vốn hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh, các hoạt động liên quan trực tiếp đến kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển vốn Nhà nước đầu tư tại Công ty.

Điều 5. Quản lý sử dụng vốn và tài sản

1. Công ty có trách nhiệm quản lý, sử dụng có hiệu quả toàn bộ số vốn, tài sản do chủ sở hữu đầu tư và các nguồn vốn hoạt động hợp pháp khác để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xổ số và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số theo quy định của pháp luật.

2. Công ty phải xây dựng và ban hành Quy chế nội bộ để quản lý, sử dụng tài sản của Công ty; Quy chế phải xác định rõ việc phối hợp giữa các bộ phận, trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân có liên quan trong việc theo dõi, quản lý tài sản, trách nhiệm bồi thường trong trường hợp làm hư hỏng, mất mát, gây tổn thất thiệt hại cho Công ty.

3. Việc đầu tư, xây dựng, mua sắm tài sản cố định, khấu hao tài sản cố định, cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản, thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, chuyển nhượng các khoản đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp, quản lý hàng hóa tồn kho, quản lý các khoản nợ phải thu, nợ phải trả, chênh lệch tỷ giá, kiểm kê, đánh giá lại tài sản của doanh nghiệp kinh doanh xổ số thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Điều 6. Đầu tư vốn ra ngoài doanh nghiệp

1. Công ty chỉ được đầu tư ra bên ngoài đối với các ngành nghề liên quan trực tiếp đến hoạt động kinh doanh xổ số.

Việc thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật trên cơ sở chấp thuận của chủ sở hữu.

2. Việc đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác phải tuân thủ quy định của pháp luật, phù hợp với chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty, đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư và được sự chấp thuận của Chủ sở hữu Công ty.

3. Không được góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản; góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng; công ty bảo hiểm; công ty chứng khoán; đồng thời, không được tham gia góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp khác mà người quản lý, điều hành hoặc người sở hữu chính của doanh nghiệp đó là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý Công ty.

4. Nguyên tắc, hình thức, giới hạn đầu tư vốn ra ngoài Công ty và thẩm quyền của Công ty xử lý thực hiện theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

5. Chủ sở hữu Công ty kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUẢN LÝ DOANH THU, CHI PHÍ

Điều 7. Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu của Công ty bao gồm:

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số;
2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh xổ số được pháp luật cho phép;
3. Doanh thu từ hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu phát sinh được xác định theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

4. Thu nhập khác là các khoản thu từ các hoạt động không thường xuyên, gồm: thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định; thu tiền bán vé số đã hủy; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa nợ tính vào chi phí kỳ trước; nợ phải trả nay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại; khoản thu nhập của năm trước hạch toán thiếu; thu nhập từ việc cung cấp thông tin kết quả mở thưởng cho các Công ty dịch vụ; các khoản thu hợp lệ khác.

Điều 8. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

1. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số: Là toàn bộ số tiền bán vé phải thu phát sinh trong kỳ từ các loại hình xổ số được phép kinh doanh theo quy định của pháp luật đã được xác định là tiêu thụ trong kỳ.

2. Doanh thu từ hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động kinh doanh các loại hình xổ số được pháp luật cho phép: Là toàn bộ số tiền phải thu phát sinh trong kỳ từ việc bán sản phẩm hàng hoá, cung cấp dịch vụ của Công ty.

3. Doanh thu từ hoạt động tài chính: Hạch toán vào doanh thu khi hoạt động kinh tế phát sinh, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

4. Thu nhập khác: Hạch toán vào doanh thu khi có bằng chứng khách hàng chấp nhận thanh toán, không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Điều 9. Chi phí

Ngoài các khoản chi phí được xác định là khoản chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh theo chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, Công ty được tính vào chi phí được trừ khi xác định thuế thu nhập doanh nghiệp đối với một số khoản chi phí đặc thù sau:

1. Chi phí trả thưởng: Là số tiền thực tế trả cho người trúng thưởng đối với các vé xổ số trúng thưởng theo quy định của pháp luật

2. Chi hoa hồng đại lý cho các đại lý xổ số:

a) Mức chi hoa hồng đại lý cụ thể do Công ty quyết định trong từng thời kỳ nhưng phải đảm bảo nguyên tắc không vượt quá 15% doanh thu bán vé xổ số có thuế. Mức chi hoa hồng đại lý được ghi cụ thể tại hợp đồng đại lý xổ số được ký giữa Công ty và đại lý xổ số;

b) Công ty chỉ thanh toán tiền hoa hồng đại lý cho đại lý xổ số sau khi đã hoàn tất việc xác nhận số lượng vé xổ số đại lý đó đã tiêu thụ được trong kỳ và đại lý xổ số đã thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng đại lý với Công ty. Công ty có thể thực hiện khấu trừ tiền hoa hồng phải trả đại lý với số tiền bán vé đại lý phải nộp cho Công ty;

c) Công ty có trách nhiệm khấu trừ tiền thuế phải nộp của các đại lý xổ số với số tiền hoa hồng phải thanh toán cho đại lý xổ số theo quy định của pháp luật thuế hiện hành.

3. Chi phí ủy quyền trả thưởng cho khách hàng trúng thưởng:

a) Mức phí ủy quyền trả thưởng cho đại lý xổ số tối đa không quá 0,2% tổng giá trị giải thưởng mà đại lý xổ số đã thanh toán theo ủy quyền;

b) Căn cứ chỉ là hợp đồng đại lý đã ký giữa Công ty và đại lý xổ số, trong đó phải có điều khoản quy định về việc ủy quyền trả thưởng và các chứng từ khác chứng minh đại lý xổ số đã thanh toán giải thưởng cho khách hàng (*chứng từ bao gồm: vé trúng thưởng thực tế kèm theo phiếu kê vé trúng đại lý đã trả thưởng theo ủy quyền*);

c) Đại lý xổ số được ủy quyền trả thưởng không được thu bất cứ khoản phí nào của khách hàng trúng thưởng.

4. Chi phí quay số mở thưởng, chi cho công tác giám sát và chi cho công tác giám sát của Hội đồng giám sát xổ số:

a) Chi phí quay số mở thưởng gồm chi phí thuê hội trường và các khoản chi phí khác mua hoặc thuê ngoài phục vụ cho công tác quay số mở thưởng;

b) Chi chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số được tính theo định mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức theo chế độ quy định

do chủ sở hữu phê duyệt trên cơ sở đề xuất của Sở Tài chính và Công ty. Định mức thù lao được xác định theo nguyên tắc phù hợp với nội dung công việc thực hiện và nâng cao trách nhiệm của các thành viên trong việc thực thi nhiệm vụ giám sát;

Căn cứ thanh toán chế độ thù lao cho các thành viên Hội đồng giám sát xổ số được tính theo định mức thù lao đã được chủ sở hữu phê duyệt và số số buổi thực tế tham gia làm việc của các thành viên;

c) Chi cho hỗ trợ công việc giám sát thu hủy vé bước 1 của Hội đồng giám sát tại các điểm hủy vé: Đối với các điểm hủy vé có lượng vé thu hồi lớn, Công ty chỉ cho lao động thuê ngoài phục vụ công tác hỗ trợ giám sát của Hội đồng xổ số kiến thiết như: Chặt góc vé, kiểm đếm sơ bộ theo tập, vào bao và niêm phong, lập phiếu, tổng hợp, lập biên bản... Mức chi do Công ty quyết định theo mức thù lao chung của các Công ty xổ số trong khu vực nhưng không quá mức chi cho thành viên Hội đồng giám sát xổ số và số buổi thực tế tham gia làm việc.

5. Chi phí hỗ trợ công tác phòng chống số đề, làm vé số giả:

Công ty xổ số được chi hỗ trợ cho công tác phòng chống số đề, làm vé số giả cụ thể theo quy định tại Thông tư số 01/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với doanh nghiệp kinh doanh xổ số.

6. Chi phí trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng:

a) Loại hình sản phẩm và nguyên tắc trích lập:

- Công ty xổ số chỉ được phép trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng đối với các loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh áp dụng theo phương thức trả thưởng cố định theo quy định của pháp luật;

- Tại thời điểm trích lập, kết quả kinh doanh xổ số của Công ty không bị lỗ.

b) Điều kiện được trích lập: Trong kỳ trích lập Công ty có tỷ lệ trả thưởng thực tế nhỏ hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch của từng loại hình sản phẩm xổ số được phép kinh doanh theo quy định của Bộ Tài chính. Tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ được xác định như sau:

$$\begin{aligned} \text{Tỷ lệ trả thưởng thực tế} &= \frac{\text{Tổng chi phí trả thưởng thực tế đã thanh toán trong kỳ}}{\text{Tổng doanh thu có thuế phát sinh trong kỳ}} \times 100\% \end{aligned}$$

c) Thời điểm trích lập: Công ty xổ số được tạm trích lập theo quý và thực hiện quyết toán khi kết thúc năm tài chính nếu đủ điều kiện trích lập theo quy định tại điểm b khoản 6 Điều này;

d) Mức trích lập của từng loại hình xổ số được xác định theo công thức:

$$DP_{tt} = DT \times TL_{kh} - TT_{tt}$$

Trong đó:

DP_{tt} : Mức trích dự phòng trả thưởng của từng loại hình xổ số;

DT : Tổng doanh thu có thuế của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập;

TL_{kh} : Tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch trong kỳ trích lập theo quy định của từng loại hình xổ số;

TT_t : Tổng giá trị trả thưởng thực tế đã thanh toán cho khách hàng trúng thưởng của từng loại hình xổ số trong kỳ trích lập.

d) Tỷ lệ tối đa trích lập quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng và sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng được thực hiện như sau:

- Mức trích lập phải đảm bảo tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa không được vượt quá 10% tổng doanh thu có thuế của tất cả các loại hình xổ số được phép trích lập tại thời điểm trích lập.

- Trường hợp tổng số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng trong kỳ vượt giới hạn trên, Công ty xổ số phải dừng trích lập cho đến khi số dư thấp hơn giới hạn cho phép. Số dư quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng sử dụng không hết được chuyển sang năm sau.

- Công ty xổ số sử dụng quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng khi tỷ lệ trả thưởng thực tế trong kỳ lớn hơn tỷ lệ trả thưởng xây dựng hoặc kế hoạch. Trường hợp quỹ dự phòng trả thưởng không còn đủ để chi thì phần trả thưởng thực tế còn lại được tính vào chi phí kinh doanh.

7. Chi phí về vé xổ số:

a) Chi phí phát hành: Là các khoản chi bao gồm chi phí in vé xổ số theo giá thanh toán thực tế với cơ sở in, chi phí vận chuyển, xếp dỡ, bảo quản, phụ phí hợp lệ (nếu có) trên cơ sở hợp đồng kinh tế giữa Công ty và cơ sở in;

b) Chi phí vận chuyển phân phối vé xổ số, chi phí công tác thu hồi vé xổ số không tiêu thụ hết chi theo thực tế hoặc theo hợp đồng.

Các khoản chi này được hạch toán vào chi phí chung của doanh nghiệp.

8. Chi phí thông tin vé xổ số và quay số mở thưởng, kết quả mở thưởng: Là các khoản chi để đưa thông tin kết quả mở thưởng trên đài phát thanh, truyền hình và các phương tiện thông tin đại chúng khác, chi phí in tờ rơi về thể lệ trả thưởng, kết quả mở thưởng phục vụ khách hàng và đại lý. Căn cứ chi là hợp đồng kinh tế, hóa đơn, chứng từ hợp lệ theo chế độ quy định.

9. Chi phí đóng góp hoạt động của Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực:

Mức đóng góp cụ thể của từng Công ty của từng năm do Hội đồng xổ số kiến thiết khu vực miền Trung quy định theo biên bản họp. Mức đóng góp này không bao gồm các chi phí trả thưởng, chi phí quay số mở thưởng.

10. Chi phí lễ tân, khánh tiết, tuyên truyền quảng cáo, môi giới, tiếp thị, chi phí khuyến mại được phép chi, chi phí giao dịch, chi phí hội nghị, chi phí duy trì hoạt động thường xuyên website Công ty, nhuận bút viết bài cho trang website Công ty và các khoản chi phí khác có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Tỷ lệ chi được thực hiện theo quy định của pháp luật về thuế và được tính trên tỷ lệ phần trăm (%) của tổng chi phí trừ (-) chi phí trả thưởng.

Điều 10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí và quản lý chi phí

1. Nguyên tắc ghi nhận chi phí:

a) Công ty được hạch toán vào chi phí các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động kinh doanh trong năm tài chính;

b) Việc xác định chi phí được thực hiện phù hợp với chuẩn mực kế toán và các văn bản pháp luật về thuế hiện hành.

2. Nguyên tắc quản lý chi phí:

Công ty phải quản lý chặt chẽ các khoản chi phí để giảm chi phí, giá thành sản phẩm nhằm tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và được thực hiện theo quy định của pháp luật về quy chế quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ.

Chương IV

PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN, TRÍCH LẬP VÀ SỬ DỤNG CÁC QUỸ

Điều 11. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận của Công ty sau khi bù đắp lỗ của các năm trước theo quy định của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, được phân phối như sau:

1. Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế.

2. Số lợi nhuận còn lại sau khi trừ đi quy định tại Khoản 1 Điều này được phân phối như sau:

a) Trích 30% vào Quỹ đầu tư phát triển;

Khi Công ty đã được đầu tư đủ vốn điều lệ thì không được trích Quỹ đầu tư phát triển.

b) Trích lập Quỹ khen thưởng, Quỹ phúc lợi

- Công ty xếp loại A được trích 03 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại B được trích 1,5 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Công ty xếp loại C được trích 01 tháng lương thực hiện cho hai quỹ khen thưởng, phúc lợi;

- Nếu không thực hiện xếp loại thì không được trích lập hai quỹ khen thưởng, phúc lợi.

Chủ tịch Công ty quyết định việc phân bổ Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi trên cơ sở đề xuất của Giám đốc và sau khi thống nhất ý kiến của Ban chấp hành Công đoàn cơ sở Công ty.

c) Trích quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên

- Công ty xếp loại A được trích 1,5 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại B được trích 01 tháng lương thực hiện của người quản lý Công ty, Kiểm soát viên;

- Công ty xếp loại C hoặc không thực hiện xếp loại thì không được trích lập quỹ thưởng người quản lý Công ty, Kiểm soát viên.

d) Trường hợp Công ty trích các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý mà không đủ mức theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này thì được giảm trừ phần trích lập Quỹ đầu tư phát triển để bổ sung nguồn quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng người quản lý theo mức quy định nhưng tối đa không vượt quá mức trích vào Quỹ đầu tư phát triển trong năm tài chính.

3. Sau khi trích lập các quỹ theo quy định tại khoản 2 Điều này, phần lợi nhuận còn lại nộp vào ngân sách tỉnh. Trường hợp Công ty chưa được bổ sung đủ vốn điều lệ theo phương án được phê duyệt, thì có văn bản đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trích một phần lợi nhuận để bổ sung vốn điều lệ.

Điều 12. Quản lý và sử dụng các quỹ

1. Công ty phải xây dựng, ban hành Quy chế sử dụng các quỹ theo đúng quy định của pháp luật để áp dụng trong nội bộ Công ty. Trong năm tài chính Công ty chủ động thực hiện tạm trích các quỹ trên cơ sở kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có lãi và đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định để có nguồn chi sử dụng quỹ theo mục đích đã quy định.

2. Việc sử dụng, quản lý các quỹ của Công ty xổ số được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Riêng đối với quỹ khen thưởng, Công ty không được sử dụng để chi cho các đại lý xổ số đã được nhận phí hoa hồng đại lý.

Chương V

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH, CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ, KIỂM TOÁN VÀ BÁO CÁO

Điều 13. Kế hoạch tài chính

1. Căn cứ vào định hướng chiến lược, quy hoạch phát triển kinh doanh của Công ty đã được chủ sở hữu phê duyệt, Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh, kế hoạch tài chính dài hạn và hằng năm theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP của Chính phủ. Chỉ tiêu và mẫu biểu lập kế hoạch tài chính hằng năm thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Hằng năm, căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn, căn cứ vào năng lực của Công ty và nhu cầu thị trường, Công ty lập kế hoạch sản xuất kinh doanh năm tiếp theo trình Chủ tịch Công ty quyết định.

3. Căn cứ kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ tịch Công ty quyết định, Công ty thực hiện đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh của năm báo cáo và lập kế hoạch tài chính cho năm tiếp theo gửi chủ sở hữu, cơ quan tài chính trước ngày 31 tháng 7 hàng năm.

4. Chủ sở hữu chỉ đạo cơ quan tài chính cùng cấp rà soát lại kế hoạch tài chính do Công ty lập và có ý kiến chính thức bằng văn bản để Công ty hoàn chỉnh

kế hoạch tài chính. Kế hoạch tài chính sau khi hoàn chỉnh là kế hoạch chính thức làm cơ sở cho chủ sở hữu và cơ quan tài chính cùng cấp giám sát, đánh giá, quản lý điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty và không được thay đổi kế hoạch trong thời gian thực hiện.

Điều 14. Kế toán, thống kê

1. Công ty thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật hiện hành, phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, chính xác, khách quan các hoạt động tài chính.

2. Năm tài chính bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Điều 15. Báo cáo tài chính, thống kê và báo cáo khác

1. Cuối kỳ kế toán (*quý, năm*) Công ty phải lập, trình bày và gửi các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê cho các cơ quan nhà nước và thực hiện công khai theo quy định của pháp luật hiện hành. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, thống kê và việc thực hiện công khai tài chính.

2. Trường hợp Bộ Tài chính, Chủ sở hữu Công ty có yêu cầu thực hiện báo cáo đột xuất, Công ty phải thực hiện việc lập và gửi báo cáo theo yêu cầu.

Điều 16. Kiểm toán, kiểm tra, công khai báo cáo tài chính

1. Báo cáo tài chính hằng năm của Công ty phải được kiểm toán bởi một tổ chức kiểm toán độc lập được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

2. Công ty chịu sự quản lý, kiểm tra, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền có liên quan theo quy định của pháp luật. Chậm nhất là 15 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả kiểm toán báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra, Công ty phải gửi báo cáo tài chính được kiểm toán, báo cáo quyết toán thuế, kết luận thanh tra cho chủ sở hữu và Bộ Tài chính (*Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính*).

3. Công ty thực hiện công bố thông tin doanh nghiệp nhà nước và công khai thông tin tài chính doanh nghiệp theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VI

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Công ty phải xây dựng các quy chế, quy định cụ thể các khoản chi có liên quan đến quản lý tài chính để áp dụng thực hiện trên cơ sở tuân thủ đúng quy định của pháp luật và Quy chế này.

3. Trường hợp những quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được quy định tại Quy chế này hoặc trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế thì những quy định của pháp luật đó được áp dụng để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

4. Trong quá trình thực hiện Quy chế này, nếu phát sinh vướng mắc hoặc có điều khoản nào chưa phù hợp, Chủ tịch Công ty phải kịp thời báo cáo cơ quan Chủ sở hữu để có chủ trương, ý kiến chỉ đạo thực hiện. *thực*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Tuy